



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	547.170.000
I	Thu ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp	364.600.000
1	Thu ngân sách thành phố hưởng 100%	151.600.000
2	Thu ngân sách thành phố hưởng từ các khoản thu phân chia	213.000.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	182.570.000
1	Thu bổ sung cân đối	132.978.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	49.592.000
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	547.170.000
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	497.578.000
1	Chi đầu tư phát triển	107.489.000
2	Chi thường xuyên	373.936.000
3	Dự phòng ngân sách	9.756.000
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.397.000
II	Chi các chương trình mục tiêu	49.592.000
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	49.592.000
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Biểu số 82/CK-NSNN

CÁN BỘ NGƯỜI THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 222 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ	
I	Nguồn thu ngân sách	547.170.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	364.600.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	182.570.000
-	Thu bổ sung cân đối	132.978.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	49.592.000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	526.486.500
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thành phố	499.546.328
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	26.940.172
-	Chi bổ sung cân đối	26.187.732
-	Chi bổ sung có mục tiêu	752.440
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
I	Nguồn thu ngân sách	47.623.672
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	20.683.500
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thành phố	26.940.172
-	Thu bổ sung cân đối	26.187.732
-	Thu bổ sung có mục tiêu	752.440
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	47.623.672



Biểu số 83/CK-NSNN

ĐẠI TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Kiểm tra Quyết định số: 224 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thành phố
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	420.600.000	364.600.000
I	Thu nội địa	420.600.000	364.600.000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	0	0
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	2.000.000	0
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	150.000.000	148.000.000
4.1	Thuế GTGT	122.000.000	122.000.000
4.2	Thuế TNDN	26.000.000	26.000.000
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.700.000	0
4.4	Thuế tài nguyên	300.000	0
5	Thuế thu nhập cá nhân	65.000.000	65.000.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0
7	Lệ phí trước bạ	65.000.000	65.000.000
8	Thu phí, lệ phí	9.000.000	7.000.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000.000	3.000.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	0	0
12	Thu tiền sử dụng đất	125.000.000	75.000.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN	0	0
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0
16	Thu khác ngân sách	1.600.000	1.600.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0	0
II	Thu viện trợ	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Biểu số 84/CK-NSNN

**ĐỀ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ, CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**



Kèm theo Quyết định số: 224 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 04 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Nội dung	Ngân sách thành phố	Chia ra	
			Ngân sách cấp thành phố	Ngân sách phường
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	547.170.000	499.546.328	47.623.672
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	497.578.000	449.954.328	47.623.672
I	Chi đầu tư phát triển	107.489.000	107.489.000	
1	Chi đầu tư cho các dự án	107.489.000	107.489.000	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.665.129	57.665.129	
-	Chi khoa học và công nghệ		0	
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	75.000.000	75.000.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	373.155.000	326.312.328	46.842.672
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	183.134.000	182.934.000	200.000
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Dự phòng ngân sách	10.537.000	9.756.000	781.000
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.397.000	6.397.000	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	49.592.000	49.592.000	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	49.592.000	49.592.000	0
1	Xây dựng trường MG Ân Xuân	14.540.000	14.540.000	
2	Cải tạo, nâng cấp trường TH Phường 1	14.425.000	14.425.000	
3	Xây dựng trường TH phường 6	14.745.000	14.745.000	
4	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí, theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.	1.365.000	1.365.000	
5	Kinh phí chi trợ cấp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.	4.341.000	4.341.000	
6	Kinh phí đảm bảo trật tự ATGT	176.000	176.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2021

Kèm theo Quyết định số: 444/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	526.486.500
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	26.940.172
1	Chi bổ sung cân đối	26.187.732
2	Chi bổ sung có mục tiêu	752.440
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC	449.954.328
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	107.489.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	107.489.000
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.665.129
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	326.312.328
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	182.934.000
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.379.000
4	Chi văn hóa thông tin	1.794.000
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.643.000
6	Chi thể dục thể thao	1.340.000
7	Chi bảo vệ môi trường	41.863.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	48.776.710
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	41.079.058
10	Chi bảo đảm xã hội	1.373.560
III	Dự phòng ngân sách	9.756.000
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.397.000
C	Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ	49.592.000
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 224 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	526.486.500	151.199.000	359.134.500	9.756.000	6.397.000	0	0	0	0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	483.393.328	151.199.000	332.194.328	0	0	0	0	0	
1	BCH quân sự	2.600.000		2.600.000			0			
2	Công an	930.000		930.000			0			
3	Văn phòng Thành ủy	13.862.212		13.862.212			0			
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.303.370		1.303.370			0			
5	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	945.000		945.000			0			
6	Hội liên hiệp Phụ nữ	1.068.500		1.068.500			0			
7	Hội Nông dân	833.000		833.000			0			
8	Hội Cựu chiến binh	571.000		571.000			0			
9	Hội Chữ thập đỏ	648.000		648.000			0			
10	Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin	125.300		125.300			0			
11	Hội người cao tuổi	125.300		125.300			0			
12	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	0		0			0			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX	2.193.000		2.193.000			0			
14	Trung tâm văn hóa - thể thao	3.134.000		3.134.000			0			
15	Đài truyền thanh	1.643.000		1.643.000			0			
16	Văn phòng HĐND&UBND	7.374.925		7.374.925			0			
17	Phòng Tư pháp	876.216		876.216			0			
18	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.624.280		1.624.280			0			
19	Phòng Quản lý đô thị	86.705.000		86.705.000			0			
20	Phòng Kinh tế	1.545.000		1.545.000			0			
21	Phòng Giáo dục và Đào tạo	181.401.300		181.401.300			0			
-	<i>Văn phòng phòng Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>1.655.300</i>		<i>1.655.300</i>			<i>0</i>			
-	<i>Kinh phí sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>179.746.000</i>		<i>179.746.000</i>			<i>0</i>			
22	Trung tâm Y tế	900.000		900.000			0			
23	Phòng Lao động - Thương binh & XH	6.621.848		6.621.848			0			
24	Phòng Văn hóa thông tin	821.000		821.000			0			
25	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.959.000		2.959.000			0			
26	Phòng Nội vụ	2.022.000		2.022.000			0			
27	Thanh tra	1.124.406		1.124.406			0			
28	Phòng Dân tộc	0		0			0			
29	Chi Cục Thi hành án dân sự	88.000		88.000			0			
30	Ban QLDA đầu tư xây dựng	154.501.000	151.199.000	3.302.000			0			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
30.1	Chi đầu tư phát triển	151.199.000	151.199.000				0			
-	Vốn XD CB theo phân cấp	32.489.000	32.489.000				0			
-	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	75.000.000	75.000.000				0			
-	Từ nguồn BSCMT (vốn XS KT)	43.710.000	43.710.000				0			
30.2	Chi duy tu bảo dưỡng các CT hạ tầng nông nghiệp;	3.302.000		3.302.000			0			
31	Các khoản chi quản lý tại ngân sách	4.847.671		4.847.671			0			
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	9.756.000			9.756.000		0			
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	6.397.000				6.397.000	0			
IV	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	26.940.172		26.940.172			0			
1	Bổ sung cân đối	26.187.732		26.187.732			0			
2	Bổ sung có mục tiêu	752.440		752.440			0			
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0					0			

(Kèm theo Quyết định số 824 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

[illegible]

DỰ TOÁN CHI THUƠNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 124 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TH, TT	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYỀN KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	CHI NN, LN, TL, TS			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	333.336.328	184.299.000	0	880.000	1.794.000	1.643.000	1.340.000	41.863.000	48.776.710	3.640.000	3.702.000	43.047.770	5.362.848	4.330.000
1	BCH quân sự	2.600.000													2.600.000
2	Công an	930.000													930.000
3	Văn phòng Thành ủy	13.862.212	748.000										13.114.212		
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.303.370											1.303.370		
5	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	945.000											945.000		
6	Hội liên hiệp Phụ nữ	1.068.500											1.068.500		
7	Hội Nông dân	833.000											833.000		
8	Hội Cựu chiến binh	571.000											571.000		
9	Hội Chữ thập đỏ	648.000											648.000		
10	Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin	125.300											125.300		
11	Hội người cao tuổi	125.300											125.300		
12	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	0	0												
13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX	2.193.000	2.193.000												
14	Trung tâm văn hóa - thể thao	3.134.000				1.794.000		1.340.000							
15	Đài truyền thanh	1.643.000					1.643.000								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TH, TT	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ						
											CHI GIAO THÔNG	CHI NN, LN, TL, TS					
16	Văn phòng HĐND&UBND	7.374.925												7.374.925			
17	Phòng Tư pháp	876.216												876.216			
18	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.624.280	150.000							140.380				1.333.900			
19	Phòng Quản lý đô thị	86.705.000							40.000.000	44.100.000	3.640.000			2.605.000			
20	Phòng Kinh tế	1.545.000								400.000		400.000		1.145.000			
21	Phòng Giáo dục và Đào tạo	181.401.300	179.746.000											1.655.300			
22	Trung tâm Y tế	880.000			880.000												
23	Phòng Lao động - Thương binh & XH	6.621.848												1.259.000	5.362.848		
24	Phòng Văn hóa thông tin	821.000												821.000			
25	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.959.000							1.863.000					1.096.000			
26	Phòng Nội vụ	2.022.000	300.000											1.722.000			
27	Thanh tra	1.124.406												1.124.406			
28	Phòng Dân tộc	0												0			
29	Chi Cục Thi hành án dân sự	88.000															
30	Ban QLDA đầu tư xây dựng	3.302.000	0							3.302.000	0	3.302.000					
-	Chi duy tu bảo dưỡng các CT hạ tầng nông nghiệp;	3.302.000								3.302.000		3.302.000					
31	Các khoản chi quản lý tài ngân sách	6.009.671	1.162.000							834.330				3.301.341	0	712.000	

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 24 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

Đơn vị: Ngân hàng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp thành phố	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách phường
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách phường hưởng 100%	Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	45.702.000	20.683.500	6.084.000	14.599.500	26.187.732	0	0	46.871.232
1	Phường 1	12.020.000	879.000	879.000	0	2.863.894			3.742.894
2	Phường 2	5.805.000	3.015.000	945.000	2.070.000	2.236.352			5.251.352
3	Phường 3	6.100.000	3.166.000	925.000	2.241.000	2.587.451			5.753.451
4	Phường 4	3.520.000	3.070.500	572.000	2.498.500	1.621.139			4.691.639
5	Phường 5	695.000	695.000	225.000	470.000	4.046.361			4.741.361
6	Phường 6	7.180.000	2.449.000	899.000	1.550.000	2.440.099			4.889.099
7	Phường 7	2.172.000	2.172.000	572.000	1.600.000	2.409.254			4.581.254
8	Phường 8	2.205.000	2.205.000	355.000	1.850.000	2.823.249			5.028.249
9	Phường 9	5.510.000	2.537.000	617.000	1.920.000	1.640.603			4.177.603
10	Phường 10	495.000	495.000	95.000	400.000	3.519.330			4.014.330

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
CHO NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 224 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	752.440	0	752.440	0
1	Phường 1	53.990		53.990	
2	Phường 2	110.070		110.070	
3	Phường 3	99.410		99.410	
4	Phường 4	74.400		74.400	
5	Phường 5	77.790		77.790	
6	Phường 6	75.280		75.280	
7	Phường 7	51.830		51.830	
8	Phường 8	107.230		107.230	
9	Phường 9	67.480		67.480	
10	Phường 10	34.960		34.960	